

24. KINH TRẠM XE (*Rathavinīta Sutta*)¹

252. Như vậy tôi nghe.

Một thời, Thế Tôn ở Rājagaha (Vương Xá), tại Veluvana (Trúc Lâm), Kalandakanivāpa (chỗ nuôi dưỡng sóc). Lúc ấy, một số đông Tỷ-kheo người địa phương, sau khi an cư mùa mưa tại địa phương xong, liền đến chỗ Thế Tôn ở; sau khi đến, đánh lễ Ngài và ngồi xuống một bên. Thế Tôn nói với các Tỷ-kheo đang ngồi một bên:

– Này các Tỷ-kheo, ai ở tại địa phương được các Tỷ-kheo đồng Phạm hạnh cùng một địa phương tán thán như sau: “Tự mình thiếu dục và giảng về thiếu dục cho các Tỷ-kheo; tự mình tri túc và giảng về tri túc cho các Tỷ-kheo; tự mình độc cư và giảng về độc cư cho các Tỷ-kheo; tự mình không ô nhiễm và giảng về không ô nhiễm cho các Tỷ-kheo; tự mình tinh cần, tinh tấn và giảng về tinh cần, tinh tấn cho các Tỷ-kheo; tự mình thành tựu giới hạnh và giảng về thành tựu giới hạnh cho các Tỷ-kheo; tự mình thành tựu thiền định và giảng về thành tựu thiền định cho các Tỷ-kheo; tự mình thành tựu trí tuệ² và giảng về thành tựu trí tuệ cho các Tỷ-kheo; tự mình thành tựu giải thoát và giảng về thành tựu giải thoát cho các Tỷ-kheo; tự mình thành tựu giải thoát tri kiến và giảng về thành tựu giải thoát tri kiến cho các Tỷ-kheo; vị giáo giới, vị khai thị, vị trình bày, vị khích lệ, vị làm cho phấn khởi, vị làm cho các vị đồng Phạm hạnh hoan hỷ.”

– Bạch Thế Tôn, Tôn giả Punṇa Mantāniputta là Tỷ-kheo địa phương được các Tỷ-kheo đồng Phạm hạnh cùng một địa phương tán thán như sau: “Tự mình thiếu dục và nói về thiếu dục cho các Tỷ-kheo... (như trên)... vị làm cho các vị đồng Phạm hạnh hoan hỷ.”

253. Lúc bấy giờ, Tôn giả Sāriputta ngồi cách Thế Tôn không xa. Tôn giả Sāriputta suy nghĩ như sau: “Hạnh phúc thay Tôn giả Punṇa Mantāniputta! Chơn hạnh phúc thay Tôn giả Punṇa Mantāniputta! Tôn giả đã được các vị đồng Phạm hạnh có trí tán thán từng điểm một trước mặt bậc Đạo sư, và được bậc Đạo sư chấp nhận; có thể chúng ta sẽ gặp Tôn giả Punṇa Mantāniputta, tại một chỗ nào, trong một thời gian nào, có thể sẽ có một cuộc đàm luận với Tôn giả.”

¹ Kinh tương đương trong bộ *Trung A-hàm kinh* là *Thất xa kinh* 七車經 (T.01. 0026.9. 0429c28). Tham chiếu: *Tăng. 增* (T.02. 0125.39.10. 0733c28).

² *Paññā. MA. II. 147* giải thích là thế gian trí và xuất thế gian trí.

254. Rồi Thế Tôn trú tại Rājagaha lâu cho đến khi vừa ý, rồi khởi hành đi Sāvattthi. Ngài tuần tự đi và đến Sāvattthi. Ở đây, Thế Tôn trú ở Sāvattthi, tại Jetavana, vườn ông Anāthapiṇḍika. Tôn giả Puṇṇa Mantāniputta được nghe: “Thế Tôn đã đến Sāvattthi, trú ở Sāvattthi, tại Jetavana, vườn ông Anāthapiṇḍika.”

255. Rồi Tôn giả Puṇṇa Mantāniputta tháo dỡ lại sàng tọa, cầm y bát, khởi hành đi Sāvattthi. Tôn giả tuần tự đi và đến Sāvattthi, Jetavana, vườn ông Anāthapiṇḍika, đến chỗ Thế Tôn ở; sau khi đến, đánh lễ Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Thế Tôn thuyết pháp cho Tôn giả Puṇṇa Mantāniputta đang ngồi một bên, khích lệ, làm cho hoan hỷ. Tôn giả Puṇṇa Mantāniputta, sau khi được Thế Tôn thuyết pháp, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân phía hữu hướng về Ngài, từ tạ đi Andhavana để nghỉ trưa.

256. Rồi một Tỷ-kheo khác đến chỗ Tôn giả Sāriputta ở; sau khi đến, thưa với Tôn giả Sāriputta: “Hiền giả Sāriputta, Hiền giả luôn luôn tán dương Tỷ-kheo Puṇṇa Mantāniputta; vị này được Thế Tôn thuyết pháp, khích lệ, làm cho phấn khởi, làm cho hoan hỷ, hoan hỷ tín thọ lời Thế Tôn dạy, từ chỗ ngồi đứng dậy, đánh lễ Thế Tôn, thân bên hữu hướng về Ngài, từ tạ đi đến Andhavana để nghỉ trưa.” Rồi Tôn giả Sāriputta vội vã đem theo tọa cụ (*nisīdana*), đi theo sau lưng Tôn giả Puṇṇa Mantāniputta, đầu hướng về trước mặt [để theo dõi]. Rồi Tôn giả Puṇṇa Mantāniputta đi sâu vào Andhavana và ngồi nghỉ trưa dưới một gốc cây. Tôn giả Sāriputta, sau khi đi sâu vào Andhavana, ngồi nghỉ trưa dưới một gốc cây. Rồi vào buổi chiều, Tôn giả Sāriputta từ thiền tịnh độc cư đứng dậy, đến tại chỗ Tôn giả Puṇṇa Mantāniputta; sau khi đến, nói lên với Tôn giả Puṇṇa Mantāniputta những lời chào đón, hỏi thăm xã giao rồi ngồi xuống một bên. Ngồi xuống một bên, Tôn giả Sāriputta thưa với Tôn giả Puṇṇa Mantāniputta:

257. – Hiền giả, có phải chúng ta sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dạy của Thế Tôn?

– Thật như vậy, Hiền giả.

– Hiền giả, có phải sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dạy của Thế Tôn là vì mục đích Giới thanh tịnh?

– Không phải vậy, Hiền giả.

– Hiền giả, có phải sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dạy của Thế Tôn là vì mục đích Tâm thanh tịnh?

– Không phải vậy, Hiền giả.

– Hiền giả, có phải sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dạy của Thế Tôn là mục đích Kiến thanh tịnh?³

– Không phải vậy, Hiền giả.

³ Xem D. III. 214.

– Hiền giả, có phải sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dạy của Thế Tôn là vì mục đích Đoạn nghi thanh tịnh?

– Không phải vậy, Hiền giả.

– Hiền giả, có phải sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dạy của Thế Tôn là vì mục đích Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh?

– Không phải vậy, Hiền giả.

– Hiền giả, có phải sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dạy của Thế Tôn là vì mục đích Đạo⁴ tri kiến thanh tịnh?

– Không phải vậy, Hiền giả.

– Hiền giả, có phải sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dạy của Thế Tôn là vì mục đích Tri kiến thanh tịnh?⁵

– Không phải vậy, Hiền giả.

– Hiền giả, có phải sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dạy của Thế Tôn là vì mục đích Giới thanh tịnh?

– Không phải vậy, Hiền giả.

– Hiền giả, có phải sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dạy của Thế Tôn là vì mục đích Tâm thanh tịnh?

– Không phải vậy, Hiền giả.

– Hiền giả, có phải sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dạy của Thế Tôn là vì mục đích Kiến thanh tịnh?.. (như trên)...

– Hiền giả, có phải sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dạy của Thế Tôn là vì mục đích Tri kiến thanh tịnh?

Và Tôn giả Puṇṇa Mantāniputta trả lời:

– Không phải vậy, Hiền giả.

– Hiền giả, vậy với mục đích gì, sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dạy của Thế Tôn?

– Hiền giả, với mục đích Vô thủ trước Bát-niết-bàn, nên sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dạy của Thế Tôn.⁶

– Hiền giả, có phải Giới thanh tịnh là Vô thủ trước Bát-niết-bàn?

– Hiền giả, không phải vậy.

– Hiền giả, có phải Tâm thanh tịnh là Vô thủ trước Bát-niết-bàn?

– Hiền giả, không phải vậy.

⁴ *Paṭipadā. MA. II. 115.*

⁵ Bảy thanh tịnh này được tìm thấy trong *D. III. 288*, thêm thanh tịnh nhờ trí tuệ và thanh tịnh nhờ giải thoát.

⁶ *MA. II. 156* viết, theo quan điểm của những vị cho rằng chấp thủ là do một nhân duyên, thì Vô chấp thủ Bát-niết-bàn không do nhân duyên gì. Nếu vô vi bắt từ không khởi lên do một nhân duyên, thì vô vi bắt từ được xem là Vô chấp thủ Bát-niết-bàn. Đó là mục đích tối hậu, tối thượng (*niṭṭhā*).

- Hiền giả, có phải Kiến thanh tịnh là Vô thủ trước Bát-niết-bàn?
- Hiền giả, không phải vậy.
- Hiền giả, có phải Đoạn nghi thanh tịnh là Vô thủ trước Bát-niết-bàn?
- Hiền giả, không phải vậy.
- Hiền giả, có phải Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh là Vô thủ trước Bát-niết-bàn?
- Hiền giả, không phải vậy.
- Hiền giả, có phải Đạo tri kiến thanh tịnh là Vô thủ trước Bát-niết-bàn?
- Hiền giả, không phải vậy.
- Hiền giả, có phải Tri kiến thanh tịnh là Vô thủ trước Bát-niết-bàn?
- Hiền giả, không phải vậy.
- Hiền giả, có phải cái gì ngoài các pháp này là Vô thủ trước Bát-niết-bàn?
- Hiền giả, không phải vậy.
- Hiền giả, có phải Giới thanh tịnh là Vô thủ trước Bát-niết-bàn?
- Không phải vậy, Hiền giả.
- Hiền giả, có phải Tâm thanh tịnh là Vô thủ trước Bát-niết-bàn?
- Không phải vậy, Hiền giả.
- Có phải Kiến thanh tịnh... (như trên) ...
- Có phải Tri kiến thanh tịnh là Vô thủ trước Bát-niết-bàn?
- Không phải vậy, Hiền giả.
- Có phải cái gì ngoài các pháp này là Vô thủ trước Bát-niết-bàn?
- Không phải vậy, Hiền giả.
- Hiền giả, vậy ý nghĩa lời nói này cần phải được hiểu như thế nào?

258. – Hiền giả, nếu Thế Tôn tuyên bố Giới thanh tịnh là Vô thủ trước Bát-niết-bàn thì Ngài cũng tuyên bố Vô thủ trước Bát-niết-bàn là đồng đẳng với Hữu thủ trước Bát-niết-bàn. Hiền giả, nếu Thế Tôn tuyên bố Tâm thanh tịnh... Hiền giả, nếu Thế Tôn tuyên bố Kiến thanh tịnh... Hiền giả, nếu Thế Tôn tuyên bố Đoạn nghi thanh tịnh... Hiền giả, nếu Thế Tôn tuyên bố Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh... Hiền giả, nếu Thế Tôn tuyên bố Đạo tri kiến thanh tịnh... Hiền giả, nếu Thế Tôn tuyên bố Tri kiến thanh tịnh là Vô thủ trước Bát-niết-bàn thì Ngài cũng tuyên bố Vô thủ trước Bát-niết-bàn là đồng đẳng với Hữu thủ trước Bát-niết-bàn. Hiền giả, và nếu Thế Tôn tuyên bố cái gì ngoài các pháp ấy là Vô thủ trước Bát-niết-bàn, thì kẻ phàm phu có thể đắc Niết-bàn, vì này Hiền giả, phàm phu là ngoài các pháp ấy. Hiền giả, tôi sẽ cho Hiền giả một ví dụ, ở đây, một số kẻ có trí, nhờ ví dụ để hiểu ý nghĩa của lời nói.

259. Hiền giả, như Vua Pasenadi xứ Kosala, trong khi ở tại Sāvatti, có công việc khẩn cấp khởi lên ở Sāketa, và bảy trạm xe được sắp đặt cho vua giữa Sāvatti và Sāketa. Hiền giả, rồi Vua Pasenadi xứ Kosala, từ cửa nội thành ra khỏi Sāvatti, leo lên trạm xe thứ nhất, và nhờ trạm thứ nhất đến được trạm xe thứ hai; từ bỏ trạm xe thứ nhất, leo lên trạm xe thứ hai, nhờ trạm xe thứ hai đến được trạm xe thứ ba; từ bỏ trạm xe thứ hai... đến được trạm xe thứ tư; từ bỏ trạm xe thứ ba... đến được trạm xe thứ năm; từ bỏ trạm xe thứ tư, leo lên trạm xe thứ năm, nhờ trạm xe thứ năm đến được trạm xe thứ sáu; từ bỏ trạm thứ năm, leo lên trạm xe thứ sáu, nhờ trạm xe thứ sáu, đến được trạm xe thứ bảy; từ bỏ trạm xe thứ sáu, leo lên trạm xe thứ bảy, nhờ trạm xe thứ bảy đến được Sāketa, tại cửa nội thành. Khi vua đến tại cửa nội thành, các bộ trưởng cận thần, các thân thích cùng huyết thống hỏi như sau: “Tâu Đại vương có phải với trạm xe này, Bệ hạ đi từ Sāvatti đến Sāketa tại cửa nội thành?”

Hiền giả, Vua Pasenadi nước Kosala phải trả lời như thế nào mới gọi là trả lời đúng đắn? Hiền giả, Vua Pasenadi nước Kosala phải trả lời như thế này mới trả lời đúng đắn: “Ồ đây, trong khi ta ở Sāvatti, có công việc khẩn cấp khởi lên ở Sāketa, và bảy trạm xe được sắp đặt cho ta, giữa Sāvatti và Sāketa. Ta từ cửa nội thành ra khỏi Sāvatti, leo lên trạm xe thứ nhất, và nhờ trạm xe thứ nhất, ta đến được trạm xe thứ hai; từ bỏ trạm xe thứ nhất, ta leo lên trạm xe thứ hai, và nhờ trạm xe thứ hai, ta đến được trạm xe thứ ba; từ bỏ trạm xe thứ hai... đến được trạm xe thứ tư; từ bỏ trạm xe thứ ba... đến được trạm xe thứ năm; từ bỏ trạm xe thứ tư... đến được trạm xe thứ sáu; từ bỏ trạm xe thứ năm, leo lên trạm xe thứ sáu, nhờ trạm xe thứ sáu, đến được trạm xe thứ bảy; từ bỏ trạm xe thứ sáu, leo lên trạm xe thứ bảy, nhờ trạm xe thứ bảy, ta đến được Sāketa, tại cửa nội thành.” Hiền giả, Vua Pasenadi nước Kosala trả lời như vậy mới trả lời một cách đúng đắn.

Cũng vậy, này Hiền giả, Giới thanh tịnh chỉ có mục đích [đạt cho được] Tâm thanh tịnh;⁷ Tâm thanh tịnh chỉ có mục đích [đạt cho được] Kiến thanh tịnh; Kiến thanh tịnh chỉ có mục đích [đạt cho được] Đoạn nghi thanh tịnh; Đoạn nghi thanh tịnh chỉ có mục đích [đạt cho được] Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh; Đạo phi đạo tri kiến thanh tịnh chỉ có mục đích [đạt cho được] Đạo tri kiến thanh tịnh; Đạo tri kiến thanh tịnh chỉ có mục đích [đạt cho được] Tri kiến thanh tịnh; Tri kiến thanh tịnh chỉ có mục đích [đạt cho được] Vô thủ trước Bát-niết-bàn. Này Hiền giả, sống Phạm hạnh dưới sự chỉ dẫn của Thế Tôn là với mục đích Vô thủ trước Bát-niết-bàn.

260. Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Sāriputta nói với Tôn giả Punṇa Mantāniputta:

- Tôn giả tên là gì? Và các vị đồng Phạm hạnh biết Tôn giả như thế nào?
- Hiền giả, tên tôi là Punṇa và các vị đồng Phạm hạnh biết tôi là Mantāniputta.

⁷ Xem MA. II. 157.

– Thật hy hữu thay, Hiền giả! Thật kỳ diệu thay, Hiền giả! Những câu hỏi sâu kín đã được trả lời từng điểm một bởi một đệ tử nghe nhiều, đã biết rõ giáo lý của bậc Đạo sư, và vị đệ tử ấy là Tôn giả Punṇa Mantāniputta. Thật hạnh phúc thay cho các vị đồng Phạm hạnh! Thật chơn hạnh phúc thay cho các vị đồng Phạm hạnh được thăm viếng, được thân cận Tôn giả Punṇa Mantāniputta! Nếu các vị đồng Phạm hạnh đội Tôn giả Punṇa Mantāniputta trên đầu với một cuộn vải làm khăn⁸ để được thăm viếng, để được thân cận, thì thật là hạnh phúc cho các vị ấy, thật là chơn hạnh phúc cho các vị ấy! Thật hạnh phúc cho chúng tôi, thật chơn hạnh phúc cho chúng tôi được thăm viếng, được thân cận Tôn giả Punṇa Mantāniputta!

Khi được nghe nói vậy, Tôn giả Punṇa Mantāniputta nói với Tôn giả Sāriputta:

– Tôn giả tên là gì, và các vị đồng Phạm hạnh biết Tôn giả như thế nào?

– Hiền giả, tôi tên là Upatissa, và các vị đồng Phạm hạnh biết tôi là Sāriputta.

– Tôi đang luận bàn với bậc đệ tử được xem là ngang hàng với bậc Đạo sư mà không được biết là Tôn giả Sāriputta. Nếu chúng tôi được biết là Tôn giả Sāriputta, thì chúng tôi đã không nói nhiều như vậy. Thật hy hữu thay, Hiền giả! Thật kỳ diệu thay, Hiền giả! Những câu hỏi sâu kín đã được trả lời từng điểm một, bởi một đệ tử nghe nhiều, đã biết rõ giáo lý của bậc Đạo sư. Và vị đệ tử ấy là Tôn giả Sāriputta. Thật hạnh phúc thay cho các vị đồng Phạm hạnh! Thật chơn hạnh phúc thay cho các vị đồng Phạm hạnh được thăm viếng, được thân cận Tôn giả Sāriputta! Nếu các vị đồng Phạm hạnh đội Tôn giả Sāriputta trên đầu với một cuộn vải làm khăn để được thăm viếng, được thân cận, thì thật là hạnh phúc cho các vị ấy, thật là chơn hạnh phúc cho các vị ấy! Thật hạnh phúc cho chúng tôi, thật chơn hạnh phúc cho chúng tôi được thăm viếng, được thân cận Tôn giả Sāriputta!

Như vậy, hai bậc cao đức ấy⁹ cùng nhau thiện thuyết, cùng nhau tùy hỷ.

⁸ MA. II. 158 lý giải rằng để cho quần chúng thấy được Tôn giả, có thể đặt câu hỏi và nghe Tôn giả thuyết pháp, thay vì đi đó đây hỏi thăm Tôn giả đang ở đâu.

⁹ Xem M. 5, *Anaṅgaṇa Sutta* (Kinh Không uế nhiễm).